

Bản án số: **54** /2024/HNGĐ-ST

Ngày: 30/12/2024

"V/v: Ly hôn, tranh chấp nuôi con "

NHÂN DANH

NƯỚC CỘNG HOÀ XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM
TOÀ ÁN NHÂN DÂN HUYỆN K - TỈNH NINH BÌNH

- Thành phần Hội đồng xét xử sơ thẩm gồm có:

Thẩm phán - Chủ tọa phiên tòa: Ông Phạm Thế Anh

Các Hội thẩm nhân dân: Ông Mai Văn Chát và ông Trần Văn Nghi

- Thư ký phiên tòa: Lê Thị Thu Hà, Thư ký Toà án nhân dân huyện K

- Đại diện Viện kiểm sát nhân dân huyện K tham gia phiên tòa: Bà Phạm Thị Phương, Kiểm sát viên.

Ngày 30 tháng 12 năm 2024 tại trụ sở Toà án nhân dân huyện K, tỉnh Ninh Bình. Xét xử sơ thẩm công khai vụ án thụ lý số 200/2024/TLST-HNGĐ ngày 08/10/2024 về việc "Ly hôn, tranh chấp nuôi con" theo quyết định đưa vụ án ra xét xử số 53/2024/QĐST - HNGĐ ngày 03/12/2024; Quyết định hoãn phiên tòa số 38/2024/QĐST - HNGĐ ngày 20/12/2024 giữa các đương sự:

- **Nguyên đơn:** Anh Nguyễn Huy T, sinh năm 1984; ĐKKH và trú tại: thôn C, xã V, huyện A, tỉnh Hưng Yên. (Vắng mặt, có đơn xin xét xử vắng mặt).

- **Bị đơn:** Chị Vũ Thị H, sinh năm 1998; ĐKKH và trú tại: xóm A, xã Y, huyện K, tỉnh Ninh Bình. (Vắng mặt tại phiên tòa lần 2).

NỘI DUNG VỤ ÁN

Trong đơn xin ly hôn ngày 08/10/2024, trong quá trình giải quyết vụ án nguyên đơn anh Nguyễn Huy T trình bày:

Anh và chị Vũ Thị H đăng K kết hôn năm 2019 trên cơ sở tự nguyện tại UBND xã V, huyện A, tỉnh Hưng Yên. Sau khi kết hôn, vợ chồng anh về chung sống cùng gia đình anh tại thôn C, xã V, huyện A, tỉnh Hưng Yên thì phát sinh mâu thuẫn. Nguyên nhân là do bất đồng quan điểm sống nên vợ chồng thường xuyên xảy ra cãi nhau. Mâu thuẫn đã được hai bên gia đình khuyên giải nhưng không cải thiện mà ngày càng nặng nề hơn. Từ năm 2023 anh và chị H đã sống ly thân mỗi người một nơi không còn quan tâm đến nhau nữa. Nay anh xác định tình cảm vợ chồng không còn, không thể chung sống cùng nhau được nữa, anh yêu cầu Tòa án giải quyết cho anh ly hôn chị H để ổn định cuộc sống.

Về con chung: Vợ chồng có 2 con chung là Nguyễn Huy V, sinh ngày 15/5/2020 và Nguyễn Gia B, sinh ngày 08/8/2023. Khi ly hôn, anh yêu cầu được nuôi con chung là Nguyễn Huy V, anh nhường quyền cho chị H được nuôi con chung là Nguyễn Gia B. Hai bên không phải đóng góp tiền cấp dưỡng nuôi con cho nhau.

Về tài sản: Anh xác định vợ chồng không có tài sản chung, tài sản riêng của ai người đó tự quản lý sử dụng. Khi ly hôn anh không yêu cầu Tòa án giải quyết.

Bị đơn trong vụ án chị Vũ Thị H trong bản tự khai ngày 15/10/2024, trong quá trình giải quyết vụ án trình bày:

Chị và anh Nguyễn Huy T có đăng ký kết hôn với nhau vào năm 2019 tại UBND xã V, huyện A, tỉnh Hưng Yên là quê của anh T; Quá trình chung sống vợ chồng phát sinh mâu thuẫn nguyên nhân bất đồng quan điểm sống, vợ chồng xảy ra cãi nhau. Mâu thuẫn đã được hai bên gia đình khuyên giải nhưng không được cải thiện mà càng nặng nề hơn, anh T không có lập trường, không tin tưởng chị mà luôn nghe gia đình rồi kiểm có trách móc chị, chị đã cố gắng chịu đựng vì con để mong anh T thay đổi suy nghĩ tình cảm đối với chị, nhưng anh T không thay đổi mà ngày càng quá ra. Do không chịu đựng được nên từ khoảng đầu năm 2022 đến nay chị và anh T sống ly thân mỗi người một nơi không còn quan tâm đến nhau nữa. Nay chị xét thấy tình cảm vợ chồng giữa chị và anh T không còn, không thể tiếp tục chung sống cùng nhau được nữa. Nay anh T xin ly hôn chị cũng đồng ý.

Về con: Chị xác nhận vợ chồng có 2 con chung là Nguyễn Huy V, sinh ngày 15/5/2020 và Nguyễn Gia B, sinh ngày 08/8/2023 hiện đang do chị nuôi dưỡng. Khi ly hôn chị xin được tiếp tục nuôi 02 con và không yêu cầu anh T đóng góp tiền nuôi con cho chị.

Quá trình giải quyết vụ án Tòa án đã ban hành Thông báo phiên họp kiểm tra việc giao nộp tiếp cận công khai chứng cứ và hòa giải, tại phiên hòa giải anh T và chị N đã thống nhất được về quan hệ hôn nhân, hai bên không thống nhất được việc phân chia nuôi dưỡng con chung. Do đó, Tòa án phải tiến hành đưa vụ án ra xét xử.

Quan điểm của đại diện Viện kiểm sát nhân dân huyện K về tố tụng: Hội đồng xét xử và người tiến hành tố tụng đã tuân theo đúng quy định của Bộ luật tố tụng dân sự; Nguyên đơn, bị đơn đã thực hiện đúng quyền và nghĩa vụ theo quy định của Bộ luật tố tụng dân sự.

Quan điểm của đại diện Viện kiểm sát nhân dân huyện K về nội dung:

- Áp dụng Điều 51, 81, 82, 83, 84 Luật hôn nhân gia đình; điều 147 và 228 Bộ luật tố tụng dân sự; Nghị quyết 326/UBTVQH14 quy định về án phí, lệ phí Tòa án. Đề nghị tuyên:

- Chấp nhận yêu cầu khởi kiện của nguyên đơn xử ly hôn giữa anh Nguyễn Huy T và chị Vũ Thị H.

- Giao cháu Nguyễn Huy V, sinh ngày 15/5/2020 cho anh T trực tiếp nuôi dưỡng cho đến khi thành niên; Giao cháu Nguyễn Gia B, sinh ngày 08/8/2023 cho chị H trực tiếp nuôi dưỡng cho đến khi thành niên. Hai bên không phải đóng tiền cấp dưỡng nuôi con chung cho nhau.

- Án phí: Anh T phải nộp án phí ly hôn sơ thẩm được khấu trừ vào số tiền tạm ứng án phí đã nộp.

NHẬN ĐỊNH CỦA TÒA ÁN

Sau khi nghiên cứu toàn diện các tài liệu, chứng cứ có trong hồ sơ vụ án, ý kiến quan điểm giải quyết vụ án của đại diện Viện Viện kiểm sát tham gia phiên tòa, Hội đồng xét xử nhận định vụ án như sau:

[1] Về thẩm quyền giải quyết: Anh Nguyễn Huy T khởi kiện yêu cầu giải quyết việc “Ly hôn, tranh chấp nuôi con” với chị Vũ Thị H, có địa chỉ cư trú tại xóm A, xã Y, huyện K, tỉnh Ninh Bình; căn cứ quy định tại Điều 28, 35 và 39 BLTTDS vụ án thuộc thẩm quyền giải quyết của TAND huyện K.

[2] Về quan hệ hôn nhân:

Anh Nguyễn Huy T và chị Vũ Thị H đăng K kết hôn năm 2019 trên cơ sở tự nguyện tại UBND xã V, huyện A, tỉnh Hưng Yên là quê của anh T. Sau khi kết hôn, vợ chồng về chung sống cùng gia đình anh T được một thời gian thì phát sinh mâu thuẫn, nguyên nhân là do bất đồng quan điểm sống nên thường xảy ra cãi chửi nhau. Mâu thuẫn đã được hai bên gia đình nội ngoại khuyên giải nhưng không được cải thiện mà ngày càng nặng nề hơn. Anh T cho rằng vợ chồng sống ly thân từ năm 2023 đến nay, còn chị H xác định chị và anh T đã sống ly thân nhau từ đầu năm 2022 mỗi người một nơi không còn quan tâm gì đến nhau nữa.

Theo anh T và chị H nguyên nhân mâu thuẫn là do bất đồng quan điểm sống, cả hai bên đều xác định do mâu thuẫn không khắc phục được nên vợ chồng đã sống ly thân mỗi người một nơi, không còn tình cảm, không còn quan tâm gì đến nhau nữa. Nay anh T có yêu cầu giải quyết ly hôn chị H cũng đồng ý.

Xác minh tại chính quyền địa phương nơi chị H cư trú, đại diện UBND xã Y cho biết hiện nay chị H đang sinh sống cùng bố mẹ đẻ tại xóm A, xã Y, vợ chồng sống ly thân nhau; về nguyên nhân mâu thuẫn cụ thể như thế nào thì địa phương không biết vì không nhận được bất kỳ đơn thư hay báo cáo gì. Đối với việc anh T làm đơn yêu cầu giải quyết ly hôn với chị H thì Tòa án căn cứ vào các tài liệu, chứng cứ và yêu cầu thực tế của các bên để giải quyết theo quy định của pháp luật.

Từ những căn cứ đó Hội đồng xét xử xét thấy cuộc sống chung của vợ chồng giữa anh T và chị H có mâu thuẫn; mặc dù đã được hai bên gia đình hoà giải nhưng không có kết quả; đã có thời gian dài sống ly thân, không còn quan tâm đến nhau; mâu thuẫn vợ chồng đã đến mức trầm trọng không còn khả năng đoàn tụ, mục đích hôn nhân không đạt được, Do đó yêu cầu xin ly hôn của anh T đối với chị H là có căn cứ, phù hợp với quy định tại Điều 51, 56 Luật hôn nhân gia đình cần được chấp nhận.

[3] Về con chung:

Anh T và chị H xác định vợ chồng có 02 con chung tên là Nguyễn Huy V, sinh ngày 15/5/2020 và Nguyễn Gia B, sinh ngày 08/8/2023. Tại phiên hòa giải về phía anh T anh xin được nuôi con Nguyễn Huy V, anh nhường quyền cho chị H được nuôi con Nguyễn Gia B. Hai bên không phải đóng góp tiền nuôi con cho nhau; về phía chị H chị có nguyện vọng được nuôi cả 02 con và không yêu cầu anh T phải đóng góp tiền nuôi con cho chị.

Quá trình giải quyết vụ án Tòa án đã yêu cầu các bên giao nộp tài liệu, chứng cứ chứng minh thu nhập và điều kiện chăm sóc con chung. Anh Tín đã cung cấp

được phiếu lương của 3 tháng liền kề, chị H tại bản tự khai và trong quá trình giải quyết chị trình bày chị có thu nhập ổn định nhưng không cung cấp được tài liệu chứng minh thu nhập. Hơn nữa, trách nhiệm nuôi dưỡng, chăm sóc con chung của vợ chồng là ngang nhau.

Mặc dù từ khi anh T, chị H sống ly thân đến nay chị H là người đang trực tiếp nuôi dưỡng 02 con. Chị H đề nghị được nuôi dưỡng chăm sóc cả 02 con chung, nhưng không có tài liệu xác định khả năng kinh tế và điều kiện nuôi dưỡng của chị đối với 02 con. Để đảm bảo cuộc sống sinh hoạt, học tập của các cháu Hội đồng xét xử giao cháu Nguyễn Huy V cho anh T trực tiếp trông nom, chăm sóc, nuôi dưỡng; giao cháu Nguyễn Gia B cho chị H trực tiếp trông nom, chăm sóc, nuôi dưỡng; hai bên không phải đóng góp tiền nuôi con cho nhau theo quy định của pháp luật, cũng như kiểm sát viên đề xuất là phù hợp.

[4] Về tài sản: Anh T và chị H không yêu cầu giải quyết tài sản chung vì vậy HĐXX không xem xét.

[5] Về án phí: Căn cứ quy định tại Điều 144, 147 BLTTDS và Nghị quyết 326/2016/NQUBTVQH14 buộc anh T phải nộp toàn bộ án phí ly hôn.

Vì các lẽ trên;

QUYẾT ĐỊNH

Áp dụng Điều 51, 56, 81, 82, 83 và 84 Luật hôn nhân và gia đình. Căn cứ Điều 144, 147, 227 và 228 Bộ luật tố tụng dân sự; **điểm a, khoản 5 Điều 27** Nghị quyết số 326/2016/UBTVQH14 ngày 30/12/2016 của Ủy ban thường vụ Quốc Hội quy định về án phí, lệ phí Tòa án:

1. Xử lý hôn giữa anh Nguyễn Huy T và chị Vũ Thị H.

2. Giao anh Nguyễn Huy T trực tiếp trông nom, chăm sóc, nuôi dưỡng giáo dục con chung là Nguyễn Huy V, sinh ngày 15/5/2020 cho đến khi con thành niên; Giao chị Vũ Thị H trực tiếp trông nom, chăm sóc, nuôi dưỡng giáo dục con chung là Nguyễn Gia B, sinh ngày 08/8/2023 đến khi thành niên. Hai bên không phải đóng góp tiền cấp dưỡng nuôi con chung cho nhau.

Sau khi ly hôn, người không trực tiếp nuôi con có quyền, nghĩa vụ thăm nom con mà không ai được cản trở; người không trực tiếp nuôi con lạm dụng việc thăm nom để cản trở hoặc gây ảnh hưởng xấu đến việc trông nom, chăm sóc, nuôi dưỡng, giáo dục con thì người trực tiếp nuôi con có quyền yêu cầu Tòa án hạn chế quyền thăm nom con của người đó; Cha, mẹ trực tiếp nuôi con cùng các thành viên gia đình không được cản trở người không trực tiếp nuôi con trong việc thăm nom, chăm sóc, nuôi dưỡng, giáo dục con.

3. Án phí ly hôn sơ thẩm:

Anh Nguyễn Huy T phải nộp 300.000^d án phí ly hôn sơ thẩm nhưng được khấu trừ vào số tiền 300.000^d tạm ứng án phí đã nộp theo biên lai số 0001870 ngày 08/10/2024 của Chi cục Thi hành án dân sự huyện K.

Trường hợp bản án, quyết định được thi hành theo quy định tại Điều 2 Luật Thi hành án dân sự thì người được thi hành án dân sự, người phải thi hành án dân sự có quyền thỏa thuận thi hành án, quyền yêu cầu thi hành án, tự nguyện thi hành án hoặc bị cưỡng chế thi hành án theo quy định tại các điều 6, 7, 7a và 9 Luật thi hành án dân sự; thời hiệu thi hành án được thực hiện theo quy định tại Điều 30 Luật Thi hành án dân sự.

□n xử sơ thẩm công khai các đ- ơng sự có quyền kháng cáo trong hạn 15 ngày kể từ ngày nhận được bản án hoặc bản án được niêm yết.

Nơi nhận:

- TAND tỉnh Ninh Bình
- VKSND huyện K;
- THADS huyện K;
- UBND xã V, huyện A,
tỉnh Hưng Yên.
- Các đương sự;
- Lưu hồ sơ.

TM. HỘI ĐỒNG XÉT XỬ SƠ THẨM
Thẩm phán-Chủ tọa phiên tòa

(Đã ký)

Phạm Thế Anh